

Bản án số: 49 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2020

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Võ Thị Vĩnh

2. Bà Lâm Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 197/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị Hận V**, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (*có mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh **Lâm Văn Th**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp S, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (*có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Thạch Thị Hận V và anh Lâm Văn Th hai người kết hôn nhau năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 02/02/2015.

Chị Thạch Thị Hận V và anh Lâm Văn Th chung sống có một người con chung là cháu Lâm Ngọc B, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2016, hiện cháu Hân đang sống chung với anh Th.

Về tài sản chung và nợ chung, chị V xác định không có.

Chị V cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường cãi vã nhau do hai người tính tình không hợp, nguyên nhân chính do anh Th thường xuyên ăn nhậu và hay dùng vũ lực và có nhiều lời nói xúc phạm đến bản thân chị, hơn nữa anh Th không quan tâm chăm sóc vợ con dẫn đến vợ

chồng sống không hạnh phúc. Chị V và anh Th hai người đã sống ly thân với nhau từ ngày 07 tháng 01 năm 2017 cho đến nay và trong thời gian sống ly thân, chị V và anh Th cũng không có biện pháp gì để hàn gắn hàn gắn vợ chồng trở lại.

Tại phiên tòa hôm nay chị V yêu cầu được ly hôn với anh Th. Khi ly hôn, chị V đồng ý giao con chung là cháu Lâm Ngọc B, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2016 cho anh Th tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và chị V không cấp dưỡng nuôi con do hiện nay chị đang thất nghiệp không có việc làm. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Hận V thì anh Lâm Văn Th cũng được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập anh Th đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Th không đến Tòa án tham gia hòa giải và cũng không có gửi văn bản gửi cho Tòa án biết về ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị V mà anh Th chỉ gửi cho Tòa án đơn xin giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị V cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Hận V đối với anh Lâm Văn Th. Về con chung, giao cháu Lâm Ngọc B, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2016, cho anh Th tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chị V có quyền tới lui thăm con chung không ai được quyền cản trở; Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Th không có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị V phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thạch Thị Hận V khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Lâm Văn Th và hiện nay anh Th cư trú tại ấp S, xã P,

huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Th đã được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Th vắng mặt nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Anh Th đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Th tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Chị Thạch Thị Hận V và anh Lâm Văn Th chung sống có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 02 tháng 02 năm 2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị Hận V, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị V và anh Th sống hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thể hiện anh Th thiếu quan tâm đến gia đình, không chăm lo cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, xét thấy những mâu thuẫn hàng ngày trong gia đình chị V và anh Th không có biện pháp giải quyết nên không có hướng khắc phục để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng và hiện tại chị V và anh Th hai người không còn sống chung nhau từ ngày 07/01/2017 đến nay. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Th cũng biết việc chị V yêu cầu ly hôn đối với anh Th, nhưng anh Th không có thiện chí hàn gắn nên Th không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải để tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng trở lại để cùng chung lo tương lai cho con cái mai sau. Từ phân tích, trên xét thấy thời gian chị V và anh Th sống ly thân khá lâu, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn hôn nhân đến mức trầm trọng nên tại phiên tòa chị Thạch Thị Hận V yêu cầu xin ly hôn với anh Lâm Văn Th là cần thiết, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Thạch Thị Hận V đối với anh Lâm Văn Th là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị Thạch Thị Hận V đồng ý giao con chung là cháu Lâm Ngọc B, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2016 cho anh Lâm Văn Th tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Xét thấy yêu cầu giao nuôi con của chị V cũng phù hợp, mặc dù hiện tại cháu H cũng còn nhỏ nhưng do cháu B sống với anh Th từ lúc chị V và anh Th sống ly thân đến nay về mặt tình cảm của cháu B có phần thương mến anh Th nhiều hơn nên việc chị V giao con cho anh Th nuôi cũng là phù hợp, từ phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao nuôi con của chị V và giao cho anh Th tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục con chung Lâm Ngọc B sinh ngày 14/5/2016 đến khi cháu B đủ 18 tuổi là có căn cứ đúng pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và anh Th không thể hiện có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Thạch Thị Hận V phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

[8] Các quan điểm đề nghị việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Hận V đối với anh Lâm Văn Th. Cho chị Thạch Thị Hận V và anh Lâm Văn Th được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Ngọc B, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2016 cho anh Lâm Văn Th tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi.

Chị Thạch Thị Hận V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Lâm Văn Th không yêu cầu.

Chị Thạch Thị Hận V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Thạch Thị Hận V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị V đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0005448 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út

